Ký bởi: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
Thời gian ký: 24/03/2020 14:49:20

Phụ lục 1

ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT ÁP DỤNG CHO DỰ ÁN KHUYẾN NÔNG TRUNG ƯƠNG LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT - BẢO VỆ THỰC VẬT

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1035 /QĐ-BNN-KHCN ngày 24 tháng 3 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

I.MÔ HÌNH: TRỒNG, THÂM CANH BƯỞI THEO GAP

1.Phần vật tư

Đơn vị tính: cho 01 ha

Thời kỳ		Hạng mục	Đơn vị	Định mức	Ghi chú
Thời kỳ kiến thiết cơ bản (năm thứ nhất + năm thứ hai)	1	Giống trồng mới	cây	400	Năm thứ nhất
	2	Giống trồng dặm	cây	20	
	3	Đạm nguyên chất (N)	kg	90	Lượng sử dụng cho từng năm
	4	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	70	
	5	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	120	
	6	Phân hữu cơ sinh học	kg	3.000	
	7	Vôi bột	kg	400	
	8	Thuốc BVTV	1.000đ	1.500	
Năm thứ ba	1	Đạm nguyên chất (N)	kg	190	
	2	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	100	
	3	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	180	
	4	Phân hữu cơ sinh học	kg	3.000	
	5	Thuốc BVTV	1.000đ	2.000	
Thời kỳ kinh doanh (Bắt đầu từ năm thứ tư trở đi)	1	Đạm nguyên chất (N)	kg	190	
	2	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	100	
	3	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	300	
	4	Đậu tương	kg	1.200	
	5	Phân hữu cơ sinh học	kg	3.000	
	6	Túi bao trái	túi	20.000	
	7	Thuốc BVTV	1.000đ	2.000	

**Các loại đạm, lân, kali nguyên chất được quy đổi ra phân đơn hoặc phân hỗn hợp với tỷ lệ tương ứng.*

2.Phần triển khai

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	tháng/năm	09	
2	Tập huấn, đào tạo			
2.1	Tập huấn trong mô hình	ngày/lớp	01	
2.2	Tập huấn nhân rộng mô hình	ngày/lớp	02	
3	01 cán bộ chỉ đạo phụ trách	ha	05	Không quá 9 tháng/năm

II. MÔ HÌNH: THÂM CANH XOÀI THEO GAP *(Áp dụng cho các tỉnh miền Nam)*

1.Phần vật tư (mật độ trồng 200 cây/ha)

Đơn vị tính: cho 01 ha

TT	Hạng mục	Đơn vị	Định mức	Ghi chú
1	Đạm nguyên chất (N)	kg	210	
2	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	140	
3	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	160	
4	Túi bao trái	cái	40.000	
5	Phân hữu cơ vi sinh	kg	3.000	
6	Thuốc BVTV	1.000đ	2.000	

**Các loại đạm, lân, kali nguyên chất được quy đổi ra phân đơn hoặc phân hỗn hợp với tỷ lệ tương ứng.*

2.Phần triển khai

TT	Nội dung	Đơn vị	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	tháng/năm	09	
2	Tập huấn, đào tạo			
2.1	Tập huấn trong mô hình	ngày/lớp	01	
2.2	Tập huấn nhân rộng mô hình	ngày/lớp	02	
3	01 cán bộ chỉ đạo phụ trách	ha	05	Không quá 9 tháng/năm

III.MÔ HÌNH: THÂM CANH XOÀI THEO GAP
(Áp dụng cho các tỉnh miền Bắc)

1.Phần vật tư (mật độ trồng 500 cây/ha)

Đơn vị tính: cho 01 ha

TT	Hạng mục	Đơn vị	Định mức	Ghi chú
1	Đạm nguyên chất (N)	kg	260	
2	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	100	
3	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	200	
4	Túi bao trái	cái	70.000	
5	Phân hữu cơ vi sinh	kg	3.000	
6	Thuốc BVTV	1.000đ	2.000	

**Các loại đạm, lân, kali nguyên chất được quy đổi ra phân đơn hoặc phân hỗn hợp với tỷ lệ tương ứng.*

2.Phần triển khai

TT	Nội dung	Đơn vị	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	tháng/năm	09	
2	Tập huấn, đào tạo			
2.1	Tập huấn trong mô hình	ngày/lớp	01	
2.2	Tập huấn nhân rộng mô hình	ngày/lớp	02	
3	01 cán bộ chỉ đạo phụ trách	ha	05	Không quá 9 tháng/năm

IV. MÔ HÌNH: TRỒNG THÂM CANH DỨA QUEEN

1.Phần vật tư

Đơn vị tính: cho 01 ha

Thời kỳ		Hạng mục	Đơn vị	Định mức	Ghi chú
Năm thứ nhất	1	Giống trồng mới	chồi	60.000	
	2	Giống trồng dặm	chồi	3.000	
	3	Đạm nguyên chất (N)	kg	460	
	4	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	320	
	5	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	840	
	6	Phân hữu cơ vi sinh	kg	5.000	
	7	Vôi bột	kg	1.000	
	8	Thuốc BVTV + Trừ cỏ	1.000đ	3.000	
Năm thứ hai	1	Phân đạm nguyên chất(N)	kg	90	
	2	Phân Kali nguyên chất(K_2O)	kg	180	
	3	Ethyrel hoặc đất đèn (xử lý ra hoa)	1.000đ	2.500	
	4	Thuốc BVTV	1.000đ	2.000	

**Các loại đạm, lân, kali nguyên chất được quy đổi ra phân đơn hoặc phân hỗn hợp với tỷ lệ tương ứng.*

2.Phần triển khai

TT	Nội dung	Đơn vị	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	tháng/năm	09	
2	Tập huấn, đào tạo			
2.1	Tập huấn trong mô hình	ngày/lớp	01	
2.2	Tập huấn nhân rộng mô hình	ngày/lớp	02	
3	01 cán bộ chỉ đạo phụ trách	ha	05	Không quá 9 tháng/năm

V. MÔ HÌNH: TRỒNG THÂM CHANH LEO (CHANH DÂY, LẠC TIÊN) THEO GAP

1.Phần vật tư

Đơn vị tính: cho 01 ha

Thời kỳ		Hạng mục	Đơn vị	Định mức	Ghi chú
Năm thứ nhất	1	Giống trồng mới	cây	1.300	
	2	Giống trồng dặm	cây	60	
	3	Cột bê tông	cột	500	
	4	Đạm nguyên chất (N)	kg	70	
	5	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	160	
	6	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	360	
	7	Phân hữu cơ vi sinh	kg	3.000	
	8	Vôi bột	kg	1.000	
	9	Thuốc BVTV	1.000đ	3.000	
Năm thứ hai	1	Đạm nguyên chất (N)	kg	185	
	2	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	660	
	3	Thuốc BVTV	1.000đ	2.000	

**Các loại đạm, lân, kali nguyên chất được quy đổi ra phân đơn hoặc phân hỗn hợp với tỷ lệ tương ứng.*

2.Phần triển khai

TT	Nội dung	Đơn vị	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	tháng/năm	09	
2	Tập huấn, đào tạo			
2.1	Tập huấn trong mô hình	ngày/lớp	01	
2.2	Tập huấn nhân rộng mô hình	ngày/lớp	02	
3	01 cán bộ chỉ đạo phụ trách	ha	05	Không quá 9 tháng/năm

VI. MÔ HÌNH: TÁI CANH CÀ PHÊ CHÈ

1.Phần vật tư

Đơn vị tính: cho 01 ha

TT	Hạng mục	Đơn vị	Định mức	Ghi chú
Năm thứ nhất	***Giống***			
	Giống trồng mới (Giống thấp cây)	bầu	4.600	
	Giống trồng dặm (5%)	bầu	230	
	Giống trồng mới (Giống cao cây)	bầu	3.400	
	Giống trồng dặm (5%)	bầu	170	
	Cây che bóng	cây	100	
	Vật tư*			
	Đạm nguyên chất (N)	kg	40	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	150	
	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	30	
	Phân hữu cơ	kg	4.500	
	Vôi bột	kg	1.000	
	Thuốc xử lý mối, côn trùng	kg	20	
	Thuốc xử lý nấm	kg	10	
	Thuốc bảo vệ thực vật	1.000 đ	1.000	
Chăm sóc năm thứ hai	Đạm nguyên chất (N)	kg	70	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	80	
	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	50	
	Thuốc bảo vệ thực vật	1.000 đ	1.500	
Chăm sóc năm thứ ba	Đạm nguyên chất (N)	kg	160	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	80	
	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	180	
	Phân hữu cơ	kg	3.000	
	Thuốc bảo vệ thực vật	1.000 đ	2.000	

** Các loại đạm, lân, kali nguyên chất được quy đổi ra phân đơn hoặc phân hỗn hợp với tỉ lệ tương ứng.*

2. Phần triển khai

TT	Nội dung	Đơn vị	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	tháng	09	
2	Đào tạo, tập huấn			
2.1	Tập huấn trong mô hình *(Năm thứ nhất, thứ hai)*	ngày/lớp	01	
2.2	Đào tạo ngoài mô hình	ngày/lớp	02	
3	01 cán bộ chỉ đạo phụ trách	ha	≤ 05	Không quá 09 tháng/năm